

Số: **9035**/SNNMT-ĐCKS

Thái Nguyên, ngày **27** tháng 7 năm 2026

V/v tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các
thủ tục cấp phép, thu hồi khoáng sản vật
liệu xây dựng thông thường để cung cấp
cho các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh
Thái Nguyên

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa
bàn tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Văn bản số 9345/UBND-CNN&XD ngày 25/7/2026 của UBND tỉnh về việc rà soát, tuyên truyền, hướng dẫn đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để đáp ứng vật liệu xây dựng cho các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Sau khi rà soát, căn cứ quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các thủ tục cấp phép, thu hồi khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường để cung cấp cho các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Thủ tục nâng công suất khai thác các mỏ đã cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

Tại khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 quy định 05 nhóm dự án được áp dụng cơ chế, chính sách "đặc thù", cụ thể:

- "a) Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công;*
- b) Dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*
- c) Công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia;*
- d) Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư của chính quyền địa phương hoặc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép không phải căn cứ phương án quản lý về địa chất, khoáng sản;*
- đ) Dự án, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách theo quy định của pháp luật về xây dựng; dự án, công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai."*

Để thực hiện thủ tục nâng công suất khai thác theo cơ chế đặc thù, các doanh nghiệp/chủ mỏ phải rà soát và thực hiện như sau:

- Xác định rõ mục tiêu nâng công suất khai thác để cung cấp cho công trình, dự án nào? Khối lượng là bao nhiêu? Thời gian bao lâu? Phải có hợp đồng cung cấp vật liệu với Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu các công trình, dự án. Hết thời gian thi công công trình, dự án thì phải dừng nâng công suất; chủ mỏ không được cung cấp vật liệu cho các công trình khác mà không xác định theo kế hoạch ban đầu về nâng công suất.

- Tính toán sơ bộ trữ lượng khoáng sản còn lại của mỏ chưa khai thác để đề xuất nâng công suất khai thác cho phù hợp; việc nâng công suất khai thác phải đảm bảo không tăng trữ lượng đã cấp phép và đảm bảo khả năng đáp ứng của bãi chứa và các công trình chế biến;

- Việc nâng công suất theo "cơ chế đặc thù" không phải thực hiện thủ tục trình cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; không phải thực hiện thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường nhưng **phải lập dự án điều chỉnh nâng công suất** và phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (quy định tại khoản 1a Điều 57 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung tại điểm a khoản 19 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15).

- Việc nâng công suất khai thác thuộc trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Trình tự, thủ tục nâng công suất (điều chỉnh giấy phép khai thác) được thực hiện theo quy định tại Điều 67a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ).

- **Thành phần hồ sơ** đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (nâng công suất) theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 23 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ) như sau:

- + Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

- + Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

- + Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ để điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

- + Dự án điều chỉnh nâng công suất khai thác (bao gồm Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp

luật về đầu tư) và phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (bản sao hợp lệ);

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (bản sao hợp lệ).

Ngoài thành phần hồ sơ nêu trên, đề nghị các doanh nghiệp bổ sung các tài liệu có liên quan đến việc cung cấp vật liệu cho công trình, dự án, bao gồm: Các tài liệu thông tin về công trình, dự án sử dụng vật liệu; Hợp đồng cung cấp vật liệu cho Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, đơn vị thi công; Tài liệu chứng minh có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% của tổng mức đầu tư Dự án điều chỉnh nâng công suất.

2. Thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản (cấp mới) để cung cấp cho các dự án, công trình theo quy định tại khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản

Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III và cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV để cung cấp cho các dự án, công trình tại khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 không cần phải căn cứ vào Phương án quản lý khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026; không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và không phải thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. Hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có nội dung về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản. Các khu vực mỏ phải đảm bảo không trùng lặp với quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch khu, cụm công nghiệp, không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III, khai thác khoáng sản nhóm IV để cung cấp cho các dự án, công trình tại khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 được cấp trực tiếp cho Chủ đầu tư, Nhà đầu tư hoặc Nhà thầu thi công. Trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư không đề nghị cấp giấy phép thì giấy phép khai thác được cấp cho tổ chức, cá nhân khác đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản và khoáng sản khai thác được chỉ để cung cấp vật liệu phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15.

2.1. Đối với khoáng sản nhóm III:

a) Về hồ sơ thăm dò:

Các mỏ khoáng sản cung cấp cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản được bổ sung

tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 được khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân được lựa chọn để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày -2/7/2025 của Chính phủ như sau:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);
- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (bản chính);
- Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (bản chính);
- Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (bản sao hợp lệ);
- Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao hợp lệ).

b) Về hồ sơ khai thác:

Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 1a Điều 53 và khoản 1b Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản;

b) Điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026¹;

c) Hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có nội dung về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

* **Thành phần hồ sơ** đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 như sau:

¹ "1. Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản và các điều kiện sau:

a) Là tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản hợp pháp;

b) Có hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 của Nghị định này;

c) Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong trường hợp pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư có yêu cầu; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thăm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này."

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);
- Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (bản chính);
- Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường (bản chính). Phương án về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường bao gồm các nội dung chính sau:
 - + Giải pháp về kỹ thuật an toàn trong hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - + Các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ;
 - + Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu vực khai thác khoáng sản và xung quanh khu vực khai thác khoáng sản;
 - + Dự báo mức độ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra; dự báo rủi ro, sự cố về môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - + Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; biện pháp phòng ngừa rủi ro, ứng phó sự cố môi trường;
 - + Các công trình, biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - + Xác định số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
 - + Cam kết của tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;
 - + Phụ lục kèm theo bao gồm: Các bản vẽ, tài liệu có liên quan, văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền đối với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.2. Đối với khoáng sản nhóm IV:

a) Về hồ sơ khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV:

Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

- Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (bản chính);
- Văn bản giới thiệu của nhà thầu thi công, chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản (trong trường hợp nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư đề xuất tổ chức, cá nhân khác để khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV);
- Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công hoặc văn bản giao là

chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản của cơ quan, người có thẩm quyền (bản sao hợp lệ).

b) Về hồ sơ khai thác:

Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (bản chính);
- Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (bản chính);
- Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công (bản sao hợp lệ);
- Báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV (bản chính) hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được công nhận.

3. Thu hồi khoáng sản tại các dự án đầu tư xây dựng công trình

Tại điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 23 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 quy định: "*Chủ đầu tư, nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được quyết định, phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư không có nhu cầu thu hồi khoáng sản thì giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản được cấp cho nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư trên cơ sở chấp thuận của chủ đầu tư, nhà đầu tư;*".

Tại khoản 4 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản quy định: "*4. Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm IV quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:*

a) *Được sử dụng khoáng sản để phục vụ cho xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình của dự án, đề án, phương án đó;*

b) *Được cung cấp cho công trình, dự án khác."*

Tại khoản 5 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản quy định: "*5. Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản phải đăng ký hoạt động thu hồi khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này."*

*** Về thẩm quyền:** Việc thu hồi khoáng sản trong diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình để cung cấp cho công trình, dự án khác thuộc thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

*** Thành phần hồ sơ:**

Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, gồm:

- Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (bản chính);
- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt) triển khai tại khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (bản sao hợp lệ).
- Văn bản giới thiệu nhà thầu thi công của chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản;
- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế do chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 96 Nghị định 193/2025/NĐ-CP.

4. Thu hồi khoáng sản đất san lấp trong quá trình cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp; tại các công trình sạt lở và khoáng sản dôi dư tại các công trình, dự án đầu tư xây dựng:

Tại điểm d khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 quy định: Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong trường hợp sau: “*d) Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp;*”.

Tại điểm b khoản 1 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Nghị định 21/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “*b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản và trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.*”

Theo quy định nêu trên, trong quá trình các hộ dân (người sử dụng đất) bị ảnh hưởng do sạt lở đất tiến hành cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp, nếu người sử dụng đất có nhu cầu thu hồi khoáng sản đất sạt lở làm vật liệu san lấp (đất san lấp) thì UBND cấp xã hướng dẫn người sử dụng đất lập Hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP (sửa đổi bởi khoản 37 Điều 1 và khoản 1, khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và khoáng sản). Trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu thu hồi, sử dụng thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 (sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Nghị định 21/2026/NĐ-CP) cụ thể như sau:

- UBND xã bố trí bãi thải, bãi chứa để người sử dụng đất tập kết đất dư thừa tại bãi thải, bãi chứa theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

- Người sử dụng đất có trách nhiệm báo cáo về khối lượng khoáng sản, vị trí tập kết khoáng sản về UBND xã để theo dõi, quản lý. UBND xã có trách nhiệm quản lý khoáng sản tại bãi thải, bãi chứa thuộc địa bàn quản lý của mình.

Việc quản lý, thu hồi khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa được thực hiện theo quy định tại điểm c, d khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 96 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

*“c) Người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này **tổ chức đấu giá** đối với khối lượng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công các công trình, dự án) theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;*

*d) Người có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này quyết định cho phép chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản đã tập kết tại bãi thải, bãi chứa (bao gồm trong giai đoạn thi công và đã kết thúc thi công các công trình, dự án) theo quy định tại điểm a khoản này **mà không phải đấu giá tài sản**. Việc cho phép sử dụng khoáng sản được thực hiện theo hồ sơ, trình tự, thủ tục về thu hồi khoáng sản quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.*

8. Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, việc cho phép chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa quy định tại khoản 7 Điều này để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản, được thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản có văn bản đề nghị được sử dụng khoáng sản gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung văn bản phải thể hiện các thông tin gồm: Loại khoáng sản; khối lượng khoáng sản đề nghị được sử dụng; mục đích sử dụng; tiến độ, thời gian thực hiện hoạt động sử dụng khoáng sản;

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xem xét, kiểm tra thực địa và quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, Ủy ban nhân dân xã thông báo cho chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

9. Trường hợp bãi thải, bãi chứa khoáng sản quy định tại khoản 7 Điều này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, việc cho phép sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện như quy định tại khoản 8 Điều này.”.

Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn để các Chủ đầu tư, Nhà đầu tư, Nhà thầu, đơn vị thi công dự án, công trình và các Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các DN khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, ĐCKS.Thuogtn.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Sơn Hà